

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ABI PHARMA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ABI PHARMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ABI PHARMA PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ABI PHARMA., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110689103

3. Ngày thành lập: 17/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 16, Tổ dân phố Kiên Quyết, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868187710

Fax:

Email: abi.pharmavn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Bán buôn thuốc cổ truyền.	4649
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn trang thiết bị y tế loại A, B, C, D.	4659
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230
6.	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Dịch vụ đóng gói, đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm, đóng gói đồ rắn, đóng gói bảo quản dược liệu, dán tem, dán nhãn và đóng dấu (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
8.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc	8699

9.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
10.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức hoạt động hiệu quả (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, thuế, kiểm toán, tài chính)	7020
11.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
12.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra; thám tử)	7320
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	1079
14.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng đóng chai; - Sản xuất đồ uống không cồn.	1104
15.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: - Sản xuất bao bì bằng giấy, bì (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1702
16.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm (trừ sản xuất hóa chất tại trụ sở)	2023
17.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất, tinh dầu, sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên hoặc sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm và các sản phẩm từ hóa chất chưa biết phân vào đâu (trừ sản xuất, tồn trữ hóa chất)	2029
18.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100(Chính)
19.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất chai lọ, bao bì dược phẩm và các dụng cụ y tế từ plastic, hạt nhựa (trừ Sản Xuất xấp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng.	4932
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kho ngoại quan)	5210
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
25.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
26.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc	4772
27.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ kính mắt, kính thuốc	4773

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ HUYỀN TRANG	Số 045, Tổ 19, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	0361860235 32	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		

2	LÊ THỊ THANH HUYỀN	Ngách 369/67, Tổ dân phố 02, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	010191005538
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000	
3	VŨ THỊ THU HUYỀN	số 69, đường 23/9, Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	030193009528
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THỊ THU HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 21/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030193009528

Ngày cấp: 04/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Số 69, đường 23/9, Tổ 14, Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 69, đường 23/9, Tổ 14, Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội